

# TRUNG TÂM

## THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

### THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH

#### Tuần 52 (23/12-27/12/2024)

#### CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

##### Kinh tế - tài chính thế giới

- Mỹ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp giảm nhẹ 1 nghìn so với tuần trước xuống còn 219 nghìn đơn; Đơn đặt hàng cho hàng hóa sản xuất đã giảm 1,1% so với tháng trước; Thâm hụt thương mại hàng hóa đã tăng lên 102,86 tỷ USD trong tháng 11/2024.
- Nhật Bản: Tỷ lệ thất nghiệp ở mức 2,5%; Doanh số bán lẻ tăng 2,8%; Sản lượng công nghiệp đã giảm 2,3% trong tháng 11/2024.
- Giá hàng hóa: Giá vàng thế giới giảm nhẹ; Giá dầu trên thị trường quốc tế tăng nhẹ.
- BOJ: Duy trì mức lãi suất chủ chốt ở mức 0,25%.

##### Kinh tế - tài chính Việt Nam

- Chính phủ: Phân đầu tăng trưởng năm 2025 ở mức 2 con số.
- Chính phủ: Kinh tế Việt Nam kiên cường, đạt mức tăng trưởng cao nhất trong số các nền kinh tế Đông Á.
- ADB: Ngân hàng Phát triển châu Á nâng dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2025 lên mức 6.6%.
- Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng - giảm ở tất các phiên trong tuần.
- Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được 330.375 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu. Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 93.969 tỷ VND cổ phiếu. Lãi suất trúng thầu tăng nhẹ so với đầu năm 2024 ở kỳ hạn 10 năm (+0,62 điểm) và 30 năm (+0,37 điểm).

## A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

### I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

**Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng**

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/-1W	%+/-M	%+/-Y
Qua đêm	4,57	0,85	8,55	-1,63
1 Tuần	5,05	-1,99	12,44	-10,19
2 Tuần	5,06	-2,55	13,14	-11,5
1 Tháng	5,29	1,9	12,28	-7,64
3 Tháng	5,51	-0,62	11,86	-10,53
6 Tháng	5,75	4,29	9,91	-6,63
9 Tháng	5,92	-18,02	32,17	-44,36

*Ghi chú: Ngày áp dụng 26/12/2024*

**Bảng 2. Thị trường mở**

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gọi thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
23/12/2024	14		12/12	20.000	4
	7		3/3	2.800	4
24/12/2024	14		11/11	14.999,99	4
	7		3/3	3.650	4
25/12/2024	14		12/12	14.999,99	4
	7		0	0	0
26/12/2024	14		13/13	14.999,93	4
	7		5/5	7.500	4
27/12/2024	7		7/7	5.000	4
	14		7/7	6.860	4

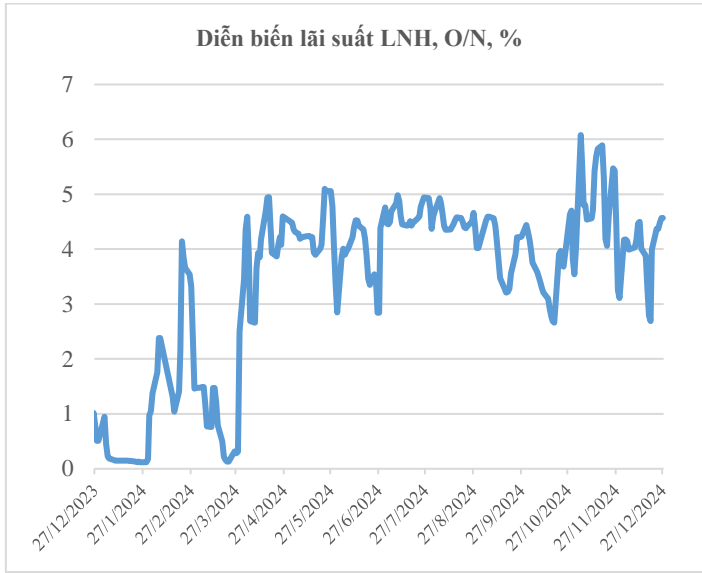
**Bảng 3: Trái phiếu chính phủ**

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2024		Tuần 52 (23/12-27/12/2024)			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1,23		0,62			
Tỷ lệ trúng thầu (%)		58%		28%			
<b>Chi tiết gọi thầu</b>		<b>Giá trị (tỷ VND)</b>		<b>Giá trị (tỷ VND)</b>			
1	3 Năm						
2	5 Năm	84.750		1.500			
3	7 Năm	6.000		-			
4	10 Năm	288.750		3.500			
5	15 Năm	140.000		500			
6	20 Năm	14.000		500			
7	30 Năm	29.900		1.000			
	<b>Tổng</b>	<b>563.900</b>		<b>7.000</b>			
<b>Chi tiết đặt thầu</b>		<b>Giá trị (tỷ VND)</b>	<b>Lãi suất BQ (%)</b>	<b>Giá trị (tỷ VND)</b>	<b>Lãi suất (%)</b>		
1	3 Năm						
2	5 Năm	100.281	1,3	1.000	2,05		
3	7 Năm	3.245	2	-	-		
4	10 Năm	404.332	2,08	1.750	2,76		
5	15 Năm	152.101	2,28	500	3,15		
6	20 Năm	11.456	2,6	-	-		
7	30 Năm	24.445	2,8	1.088	3,18		
	<b>Tổng</b>	<b>695.860</b>		<b>4.338</b>			
<b>Chi tiết trúng thầu</b>		<b>Giá trị (tỷ VND)</b>	<b>Lãi suất BQ (%)</b>	<b>Giá trị (tỷ VND)</b>	<b>Lãi suất (%)</b>	<b>So với tuần</b>	<b>So với đầu năm 2024</b>
1	3 Năm						
2	5 Năm	48.770	1,37	800	2,06	+0,06	+0,56
3	7 Năm	795	2,02	-	-	-	-
4	10 Năm	197.610	2,15	200	2,77	+0,02	+0,62
5	15 Năm	65.859	2,35	-	-	-	-
6	20 Năm	6.030	2,65	-	-	-	-
7	30 Năm	11.311	2,85	1.000	3,22	+0,04	+0,37
	<b>Tổng</b>	<b>330.375</b>		<b>2.000</b>			

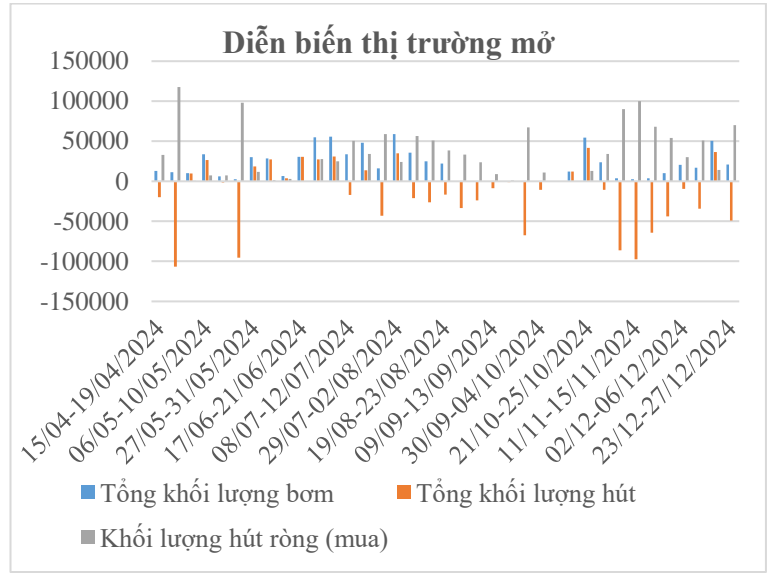
*Nguồn: HNX, LS (min)*

## II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

### 2.1. Thị trường tiền tệ

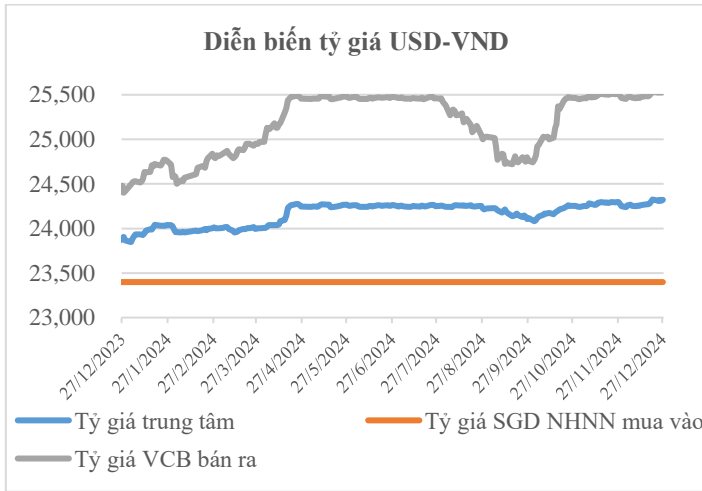


Nguồn: NHNN

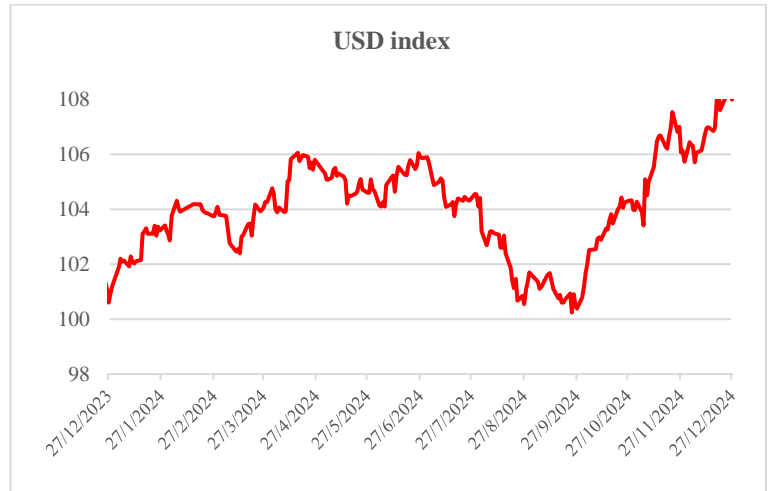


Nguồn: NHNN

### 2.2. Thị trường ngoại hối

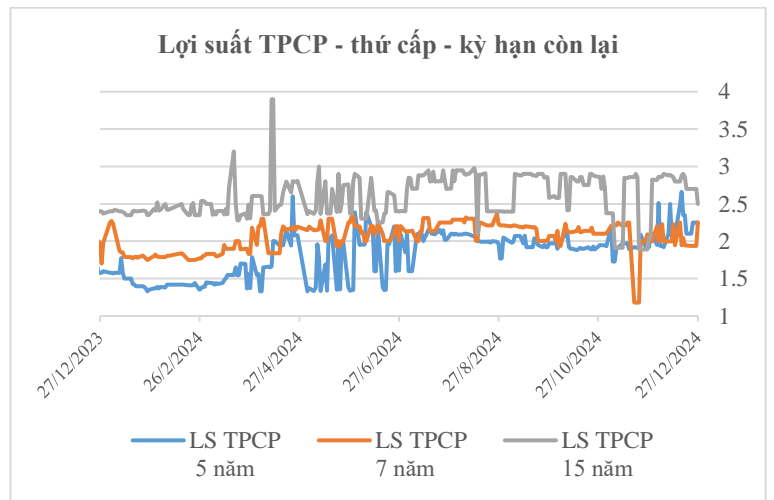
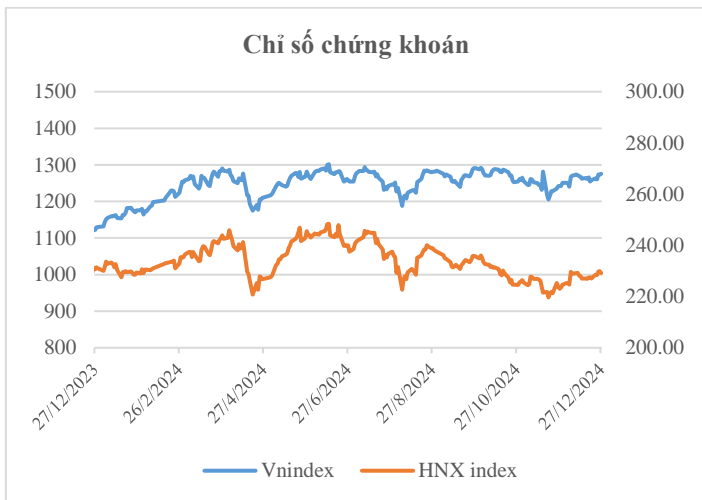


Nguồn: NHNN



Nguồn: Trading economics

### 2.3. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX, TTTT tổng hợp

### III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TUẦN 52 (23/12-27/12/2024)

#### 3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	4.50%	4.75%	19/09/2024	29/01/2025
ECB	EURO Zone	3.00%	3.25%	17/10/2024	05/02/2025
BOJ	Nhật Bản	0.25%	0.00 %	31/07/2024	24/01/2025
PBoC	Tr/Quốc	3.10%	3.35 %	22/07/2024	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	18/02/2025
BoE	Anh	4.75%	5.00%	01/08/2024	06/02/2025
BOK	Hàn Quốc	3.00 %	3.25 %	11/10/2024	16/01/2025
BI	Indonesia	6.00%	6.25%	18/09/2024	NA
BNM	Malaysia	3.00%	2.75%	03/05/2023	22/01/2025
BOT	Thái Lan	2.25%	2.50%	16/10/2024	26/02/2025
CBR	Nga	21.00%	19.00%	13/09/2024	21/03/2024

#### 3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % theo W	+/_ % theo M	+/_ % YoY
EURUSD	1.04250	0.19%	-0.70%	-5.60%
GBPUSD	1.25784	0.35%	-0.61%	-1.14%
AUDUSD	0.62297	-0.30%	-3.78%	-8.53%
USDJPY	157.776	0.39%	5.46%	12.00%
USDCNY	7.30523	-0.04%	0.25%	2.53%
USDCAD	1.44008	0.21%	2.51%	8.80%
USDRUB	105.5136	4.24%	-1.80%	18.23%
USDKRW	1469.73	1.22%	4.57%	13.62%
DXY	107.991	-0.19%	2.09%	6.52%
USDTHB	33.9450	-1.49%	-1.44%	-1.27%
USDSGD	1.35835	0.04%	0.97%	2.93%

#### 3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
United States	4.6250	0.03%	0.43%	0.68%
United Kingdom	4.6400	0.09%	0.42%	1.00%
Japan	1.1130	0.04%	0.04%	0.49%
Australia	4.5110	0.10%	0.18%	0.54%
Germany	2.3895	0.10%	0.27%	0.45%
China	1.7060	0.02%	-0.31%	-0.88%
Singapore	2.9890	0.03%	0.27%	0.20%
South Korea	2.9310	0.12%	0.14%	-0.27%
Taiwan	1.6450	0.00%	0.11%	0.47%
Thailand	2.2630	0.03%	-0.03%	-0.48%
Vietnam	3.0590	-0.03%	0.21%	0.66%
Hong Kong	3.6870	0.05%	0.42%	0.31%
Indonesia	7.0270	-0.04%	0.14%	0.54%
Malaysia	3.8640	0.02%	0.04%	0.12%
Philippines	6.2190	0.14%	0.22%	0.28%

#### 3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_% 1 W	+/_% 1 M	+/_% YTD	+/_% 1 Y	+/_% 3 Y
Dow Jones	+0.20%	-4.27%	+14.07%	+14.07%	+18.31%
S&P 500	-0.05%	-1.02%	+25.18%	+25.18%	+25.27%
Nasdaq	-0.22%	+2.62%	+31.38%	+31.38%	+26.06%
DAX	+0.68%	+1.82%	+19.30%	+19.30%	+25.81%
FTSE 100	+0.58%	-1.66%	+5.39%	+5.39%	+10.36%
CAC 40	+1.14%	+1.66%	-2.49%	-2.49%	+2.83%
Euro Stoxx 50	+0.95%	+1.97%	+8.34%	+8.34%	+13.97%
Nikkei 225	+2.21%	+4.76%	+19.61%	+19.61%	+39.02%
Shanghai	+1.79%	+2.55%	+14.66%	+14.66%	-6.28%
Hang Seng	+1.06%	+3.45%	+17.87%	+17.87%	-14.12%
SET	+1.05%	-1.83%	-1.02%	-1.02%	-15.45%
KOSPI	-0.69%	-1.25%	-8.66%	-8.66%	-18.55%
IDX Com	-0.84%	-1.09%	-3.25%	-3.25%	+6.91%
PSEi	-0.09%	-1.29%	+1.22%	+1.22%	-8.34%

#### 3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Crude Oil USD/Bbl	70.684	2.09%	3.79%	0.43%
Natural gas USD/MMBtu	3.7040	10.70%	15.28%	55.24%
Gasoline USD/Gal	1.9654	1.12%	3.15%	-7.03%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	2623.50	0.30%	-0.71%	27.42%
Silver USD/t.oz	29.427	-0.87%	-3.84%	24.44%
Lithium CNY/T	75550	0.00%	-3.39%	-21.71%
Platinum SD/t.oz	920.50	-3.00%	-2.78%	-6.79%

3. Khoáng sản	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Copper USD/Lbs	4.0850	1.25%	0.23%	5.58%
Steel CNY/T	3269.00	1.71%	-0.73%	-17.26%
Iron Ore USD/T	759.50	-1.43%	-3.74%	-21.38%
Aluminum USD/T	2553.00	0.51%	-2.07%	9.31%
Tin USD/T	28810	0.42%	2.19%	12.19%
Zinc USD/T	3051.50	1.63%	-1.10%	16.41%
Nikel USD/T	15305	-0.29%	-2.87%	-6.53%
Coal USD/T	125.00	-2.15%	-11.16%	-14.38%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing

## B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

### B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

#### I. KINH TẾ - THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ

##### Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

###### Mỹ:

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp giảm nhẹ 1 nghìn so với tuần trước xuống còn 219 nghìn đơn, trái ngược với dự đoán của thị trường là tăng lên 224 nghìn đơn – đây cũng là mức thất nhất trong vòng bảy tháng vừa qua.

Đơn đặt hàng cho hàng hóa sản xuất đã giảm 1,1% so với tháng trước còn 285,1 tỷ USD, sau khi tăng 0,8% ở tháng 10 và thấp hơn so với dự báo của thị trường là giảm 0,4%.

Thâm hụt thương mại hàng hóa đã tăng lên 102,86 tỷ USD trong tháng 11/2024, cao hơn kỳ vọng thị trường về mức thâm hụt 100,7 tỷ USD và mức giảm 98,3 tỷ USD ở tháng trước.

###### Nhật Bản:

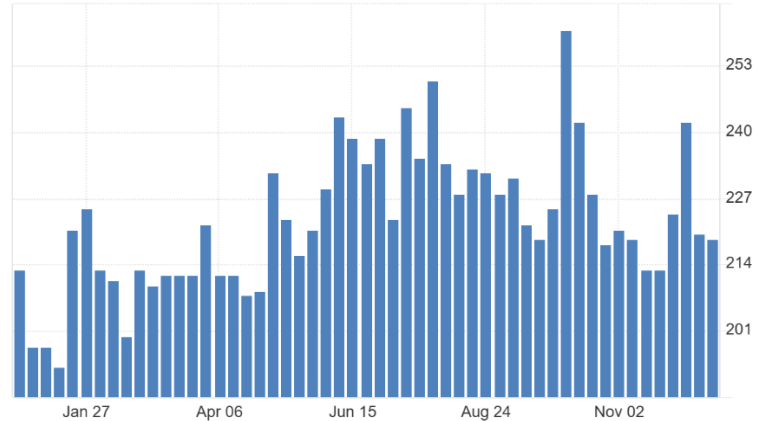
Tỷ lệ thất nghiệp ở mức 2,5% trong tháng 11/2024, giữ nguyên trong tháng thứ hai liên tiếp và phù hợp với kỳ vọng của thị trường. Số người thất nghiệp tăng nhẹ 10 nghìn lên 1,72 triệu trong khi việc làm tăng 100 nghìn lên mức kỷ lục khác là 68,08 triệu.

Doanh số bán lẻ tăng 2,8% trong tháng 11/2024, tăng so với mức tăng 1,3% ở tháng trước, dễ dàng vượt qua kỳ vọng của thị trường là tăng 1,7%. Đây là tháng thứ 32 liên tiếp doanh số bán lẻ tăng và là mức tăng trưởng nhanh nhất kể từ tháng 8.

Sản lượng công nghiệp đã giảm 2,3% trong tháng 11/2024, so với ước tính của thị trường là giảm 3,4%. Kết quả mới nhất theo sau mức tăng trưởng 2,8% trong tháng trước, đánh dấu sự thu hẹp đầu tiên về sản lượng công nghiệp kể từ tháng 8.

##### Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp đã giảm

US Initial Jobless Claims - Thousand

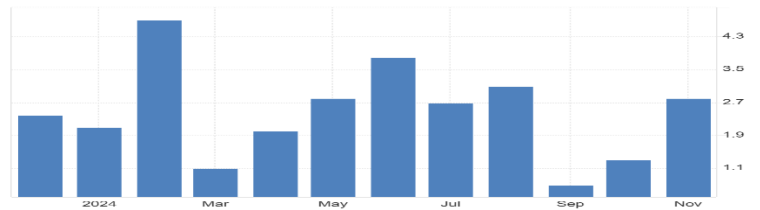


Source: tradingeconomics.com | U.S. Department of Labor

Nguồn: BLS/Tradingeconomics

##### Doanh số bán lẻ tăng

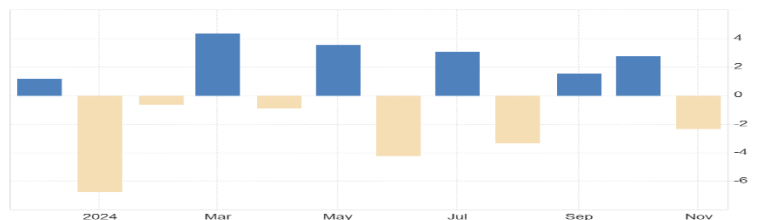
JP Retail Sales YoY - percent



Source: tradingeconomics.com | Ministry of Economy Trade & Industry (METI)

##### Sản lượng công nghiệp giảm

JP Industrial Production Mom - percent



Source: tradingeconomics.com | Ministry of Economy Trade & Industry (METI)

Nguồn: NBS/Tradingeconomics

## Giá hàng hóa thế giới tuần qua

### Giá vàng thế giới giảm nhẹ

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay giao dịch ở mức dưới 2.620 USD/oz, xóa bỏ mức tăng từ phiên trước trong bối cảnh giao dịch kỳ nghỉ lễ thừa thớt.

### Giá dầu thị trường quốc tế

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu tương lai Brent tăng nhẹ 1,2% lên 74,2 USD/thùng. Hợp đồng dầu tương lai WTI tăng 1,4% lên 70,6 USD/thùng.

Nguồn: OPEC/Kitco

## II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

### NHTW các nước

#### BOJ: duy trì mức lãi suất chủ chốt ở mức 0,25%

Trong cuộc họp cuối cùng của năm 2024, BOJ duy trì mức lãi suất ngắn hạn ở mức khoảng 0,25%, giữ ở mức cao nhất kể từ 2008 và đạt được sự đồng thuận ở thị trường.

Quyết định của thứ năm được đưa ra mặc dù Hoa Kỳ thực hiện đợt cắt giảm lãi suất thứ ba trong năm nay, vì BoJ cần thêm thời gian để đánh giá một số rủi ro, đặc biệt là các chính sách kinh tế của Hoa Kỳ dưới thời Donald Trump và triển vọng tiền lương của năm tới.

Hội đồng quản trị tuân thủ đánh giá của mình rằng nền kinh tế Nhật Bản đang trên đà phục hồi vừa phải, mặc dù một số lĩnh vực còn yếu kém. Tiêu dùng tư nhân tiếp tục xu hướng tăng, được hỗ trợ bởi lợi nhuận của công ty và chi tiêu kinh doanh cải thiện.

Trong khi đó, xuất khẩu và sản lượng công nghiệp vẫn tương đối ổn định. Về lạm phát, số liệu yoy dao động trong khoảng từ 2,0% đến 2,5%, do giá dịch vụ tăng cao. Kỳ vọng lạm phát cho thấy mức tăng vừa phải và CPI cơ bản dự kiến sẽ tăng dần.

Nguồn: Tradingeconomics

## B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

### I. KINH TẾ VĨ MÔ

#### Phấn đấu tăng trưởng năm 2025 ở mức 2 con số

Thủ tướng yêu cầu:

- Tập trung xây dựng ngay kịch bản phấn đấu tăng trưởng kinh tế năm 2025 của cả nước và từng địa phương ở mức hai con số.
- Tiếp tục làm mới, đẩy mạnh hơn nữa các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu)
- Tạo đột phá, thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới.
- Tập trung thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.
- Huy động tối đa các nguồn lực xã hội cho phát triển, khai thác hiệu quả nguồn lực từ doanh nghiệp nhà nước, phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân.

Các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm thủ tục hành chính một cách thực chất, hiệu quả, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Các Bộ, cơ quan, địa phương phát huy sức mạnh đoàn kết, tinh thần đổi mới, không ngừng nỗ lực sáng tạo, dám nghĩ dám làm, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên, chung sức, đồng lòng, biến mọi khó khăn, thách thức thành cơ hội bứt phá, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đề ra.

- Giao các đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ theo lĩnh vực được phân công trực tiếp chỉ đạo các Bộ, cơ quan, địa phương tập trung triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Công điện này; kịp thời xử lý các vấn đề vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền.

- Các Bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tiếp tục hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách, coi đây là "đột phá của đột phá" để tháo gỡ "điểm nghẽn của điểm nghẽn"..

## **Kinh tế Việt Nam kiên cường, đạt mức tăng trưởng cao nhất trong số các nền kinh tế Đông Á**

- Ông Andrea Coppola, Chuyên gia Kinh tế trưởng của WB tại Việt Nam, Lào và Campuchia, nhận định rằng trong năm 2024, Việt Nam đối mặt với các thách thức toàn cầu như căng thẳng địa chính trị và biến đổi khí hậu, nhưng vẫn đạt kết quả tích cực nhờ vào sự phục hồi xuất khẩu, sản xuất công nghiệp và tiêu dùng nội địa. Ông cho rằng, Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì tăng trưởng mạnh mẽ vào năm 2025, với dự báo đạt 6,5%.

## **Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) nâng dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2025 lên mức 6.6%**

- ADB đã nâng dự báo tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2025 lên 6.6%, từ mức 6.2% dự báo vào tháng 9/2024, nhờ vào động lực từ thương mại và đầu tư trong năm 2024.

## **II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ**

### **2.1. Thị trường tiền tệ**

#### **Tuần 52 (23/12-27/12/2024)**

- Lãi suất VND liên ngân hàng tăng ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống.

- Tuần từ 23/12 - 27/12, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu kỳ hạn 7 ngày và 14 ngày với khối lượng là 70.000 tỷ đồng, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Có 69.999,91 tỷ đồng trúng thầu và có 3.999,93 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua trên kênh cầm cố.

- Văn phòng Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Công điện này; báo cáo Thủ tướng Chính phủ các vấn đề vượt thẩm quyền.

*Nguồn: Chinhphu.vn*

- Để nâng cao khả năng cạnh tranh, ông Coppola khuyến nghị Việt Nam tập trung vào ba lĩnh vực: cải thiện kỹ năng lao động, phát triển cơ sở hạ tầng giao thông và năng lượng sạch, và tận dụng tốt các hiệp định thương mại. Ông cũng nhấn mạnh rằng, dù xuất khẩu có thể giảm do nhu cầu từ Hoa Kỳ và Trung Quốc, nhu cầu trong nước sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng.

- Ngoài ra, ông cảnh báo về các cơ hội và thách thức do chuyển đổi công nghệ và biến đổi khí hậu, và khuyến khích Việt Nam tăng cường hội nhập khu vực, chuyển đổi công nghệ và xanh hóa ngành sản xuất để nâng cao năng suất và gia tăng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, hướng tới mục tiêu trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045.

*Nguồn: Chinhphu.vn*

- Sự điều chỉnh này dựa trên hiệu suất xuất khẩu mạnh mẽ của Việt Nam, bao gồm cả ngành sản xuất, hiệu suất đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vững chắc, được hỗ trợ bởi xu hướng điều chỉnh tiền tệ toàn cầu và giá hàng hóa toàn cầu ở mức vừa phải (bao gồm giá dầu thô).

*Nguồn: TTTT tổng hợp*

- Thị trường tiền tệ liên ngân hàng trong tuần từ 23/12-27/12, lãi suất VND liên ngân hàng tăng ở các kỳ hạn qua các phiên. Chốt phiên ngày 26/12, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 4,57% (+0,58 điểm phần trăm); 1 tuần 5,05% (+0,6 điểm phần trăm); 2 tuần 5,06% (+0,24 điểm phần trăm); 1 tháng 5,29% (+0,33 điểm phần trăm) so với phiên 20/12.

- NHNN chào thầu tín phiếu NHNN đấu thầu lãi suất ở kỳ hạn 7 ngày. Có 20.810 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất ở mức 4,0%. Có 41.373 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần qua.

*Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp*

## 2.2. Thị trường ngoại hối

### Tuần 52 (23/12-27/12/2024)

- Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá VND/USD giảm.

- Chỉ số USD Index biến động tăng ở hai phiên đầu tuần trước khi giảm ở ba phiên còn lại trong tuần từ 23/12-27/12, mức điểm cao nhất trong tuần đạt 108.20 điểm. Chốt lại phiên ngày 27/12 ở mức 108.00 điểm cao hơn 0.38 điểm so với phiên cuối tuần trước và cao hơn 1.92 điểm so với phiên cùng ngày tháng 11.

- Thị trường ngoại tệ trong tuần từ 23/12-27/12, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng-giảm ở tất các phiên trong tuần. Chốt ngày 27/12, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.322 VND/USD, thấp hơn 02 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và cao hơn 27 đồng so với phiên cùng ngày tháng 11.

- Sở giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua - bán USD ở mức 23.400 VND/USD, tỷ giá bán giao ngay ở mức 25.450 VND/USD.

- Tỷ giá LNH trong tuần từ 23/12 - 27/12 biến động theo xu hướng giảm đầu tuần rồi tăng trở lại. Kết thúc phiên 27/12, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.455, không thay đổi so với phiên cuối tuần trước đó và cao hơn 72 đồng so với phiên cùng ngày tháng 11.

*Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp*

## 2.3. Thị trường trái phiếu

### Thị trường sơ cấp TPCP & TP CBLCP:

#### Tuần 52 (23/12-27/12/2024)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **2.000/ 7.000** tỷ đồng, giá trị trúng tương ứng với tỷ lệ bằng 28%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với **tuần** trước: 5 năm-lãi suất 2,06 % (tăng 0,06 điểm %); 10 năm-lãi suất 2,77 % (tăng 0,02 điểm %); 30 năm-lãi suất 3,22 % (tăng 0,04 điểm %);

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với cùng kỳ **tháng** trước: 5 năm-lãi suất 2,06 % (tăng 0,14 điểm %); 10 năm-lãi suất 2,77 % (tăng 0,09 điểm %); 30 năm-lãi suất 3,22 % (tăng 0,07 điểm %);

Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được **330.375** tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

### Thị trường TPDN:

Trong tuần qua, tổng giá trị phát hành thành công tạm tính đạt 13.250 tỷ VND (nhóm ngân hàng chiếm 60%). Lũy kế từ đầu năm đến 27/12/2024 là 427.793 tỷ VND (có 438 đợt thông báo phát hành).

### Thị trường thứ cấp TPCP & TP CBLCP:

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 18.062 tỷ đồng/phiên, tăng 26,87% so với tuần trước, Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP BL biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

5 năm	Tăng	0.14	điểm%
7 năm	Tăng	0.314	điểm%
10 năm	Giảm	0.20	điểm%
15 năm	Giảm	0.20	điểm%
25 năm	Giảm	1.01	điểm%

Tuần qua NĐT NN bán ròng 156.68 tỷ đồng

Thời gian	Mua/Bán (tỷ VND)
<b>TUẦN 52 (23/12-27/12/2024)</b>	156.68
Tháng 11-2024	157.29
Q3 - 2024	2,451.07
Năm 2022	-8,065
Năm 2021	10,886

Tuần qua giao dịch thứ cấp TPDN riêng lẻ đạt 45.510 tỷ VND (Khối lượng 25.311)

Lũy kế từ khi có sản giao dịch đạt giá trị 1.072.127 tỷ VND (KL đạt 2.115.712).

*Nguồn: HNX, TTTT tổng hợp*



## 2.4. Thị trường cổ phiếu

### Thị trường chứng khoán:

Trong tuần qua các chỉ số **giảm**, thanh khoản các sàn đạt bình quân **17.731** tỷ đồng/phiên.

*VN-Index* ở phiên cuối tuần là **1.275,14** điểm (+17,64 điểm; **+1,40%**) và *HNX-Index* đóng cửa ở 229.13 điểm (+2,06 điểm; **+0,91%**) so với phiên cuối tuần trước.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu<sup>1</sup>/GDP<sup>2</sup> tại ngày 27/12/2024 là 65%, tăng 5,16 điểm % so với cuối năm 2023.

Tuần qua, khối ngoại đã **mua** ròng trên 3 sàn hơn 310 tỷ VND cổ phiếu.

Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 93,969 tỷ VND cổ phiếu.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày 27/12/2024 : 7,155 triệu tỷ VND;

2. GDP TCTK lũy kế 4 Quý gần nhất: 11,011 triệu tỷ VND.

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

**PHỤ LỤC**  
**VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH**

**I. VĂN BẢN BAN HÀNH**

<b>Cơ quan</b>	<b>Văn bản</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Ngày hiệu lực</b>	<b>Nguồn</b>
	<b>1. Chính phủ, bộ ngành</b>			
TTCP	Quyết định 1629/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội bị ảnh hưởng của bão số 3 (Yagi)	23/12/2024	23/12/2024	<a href="https://vanban.chinhphu.vn/he-thong-van-ban?classid=2&amp;mode=1">https://vanban.chinhphu.vn/he-thong-van-ban?classid=2&amp;mode=1</a>
TTCP	Công điện số 139/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc tăng cường phòng ngừa, xử lý hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản sử dụng công nghệ cao, trên không gian mạng	23/12/2024	23/12/2024	
BTC	Thông tư 88/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025	24/12/2024	07/02/2025	<a href="https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html?page=2">https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html?page=2</a>

**II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO**

<b>Cơ quan</b>	<b>Văn bản</b>	<b>Ngày bắt đầu xin ý kiến</b>	<b>Ngày hết hạn xin ý kiến</b>	<b>Nguồn</b>
	<b>2. Chính phủ, bộ ngành</b>			
CP	Dự thảo Nghị định quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư	23/12/2024		<a href="https://luatvietnam.vn/du-thao.html">https://luatvietnam.vn/du-thao.html</a>
BTC	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.	25/12/2024		<a href="https://chin0hphu.vn/du-thao-vbqppl">https://chin0hphu.vn/du-thao-vbqppl</a>
BTC	<b>Bộ Tài chính tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp về dự thảo Nghị định quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (hoàn thiện theo Luật số 56/2024/QH15)</b>	24/12/2024		

BTC	Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam	24/12/2025		
-----	--	------------	--	--

**TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA**

